TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 – 5 – 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Sương

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 573/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Kim Thị Tuyết M, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: 303C, Đ, phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: Anh Trương Văn C, sinh năm 1981 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2023 nguyên đơn chị Kim Thị Tuyết M vắng mặt, có đơn khởi kiện trình bày:

Năm 2006, chị M và anh C kết hôn trên cơ sở quen biết, được sự đồng ý của gia đình chị M và anh C có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng ý kiến, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M yêu cầu được ly hôn với anh C. Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thanh T, sinh ngày 14/3/2007 và Trương Ngọc Á, sinh ngày 23/12/2009 đang

sống chung với anh C, chị M đồng ý giao con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị Kim Thị Tuyết M có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trương Văn C trình bày: Anh C thống nhất theo lời trình bày của chị M về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh C đồng ý ly hôn với chị Kim Thị Tuyết M. Về con chung: Anh C yêu cầu nuôi 02 con chung Trương Thanh T, sinh ngày 14/3/2007 và Trương Ngọc Á, sinh ngày 23/12/2009 đang sống chung với anh C. Anh C không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của chị Kim Thị Tuyết M quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Chị Kim Thị Tuyết M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị M và anh C cưới nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, chị M vắng mặt tại phiên toà và anh C đồng ý ly hôn chị M. Như vậy cho thấy đời sống chung giữa chị M và anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị M và anh C.

[4]. Về con chung: Chị M và anh C thống nhất trình bày có 02 con chung Trương Thanh T, sinh ngày 14/3/2007 và Trương Ngọc Á, sinh ngày 23/12/2009, đang sống chung với anh C. Chị M và anh C thoả thuận như sau:

Tiếp tục giao 02 con chung Trương Thanh T, sinh ngày 14/3/2007 và Trương Ngọc Á, sinh ngày 23/12/2009 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Anh C không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể chị M phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đồng án phí và được khấu trừ vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Kim Thị Tuyết M. Cho chị Kim Thị Tuyết M được ly hôn với anh Trương Quốc C1.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung Trương Thanh T, sinh ngày 14/3/2007 và Trương Ngọc Á, sinh ngày 23/12/2009 cho anh C1 trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Anh C1 không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh C1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị M và anh C1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị M nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số No 0013772 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị M không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên

tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Hồng Chi